

số :197/BC-UBND

Phú Đô, ngày 13 tháng 7 năm 2022

**BÁO CÁO**

**Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã  
06 tháng đầu năm 2022**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Phú Lương về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2022 huyện Phú Lương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 20 /NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân xã Phú Đô về việc phân bổ dự toán chi ngân sách xã Phú Đô năm 2022;*

Ủy ban nhân dân xã Phú Đô báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 06 tháng đầu năm 2022, cụ thể như sau:

**I/. Thu ngân sách:**

**\* Tổng thu ngân sách 06 tháng đầu năm 2022 : 3.698.488 nghìn đồng, đạt 59,2% so với dự toán, trong đó:**

**1/. Các khoản thu xã hưởng 100% : 365.004 nghìn đồng , đạt 486,7% so với dự toán, cụ thể:**

- Thu từ phí lệ phí : Thực hiện 23.511 nghìn đồng, đạt 52,2% so với dự toán năm 2022;

- Thu khác : Thực hiện 600 nghìn đồng, đạt 2% so với dự toán năm 2022;

- Đóng góp của nhân dân theo quy định 337.391 nghìn đồng.

- Thu phạt, Thu tịch thu khác: 3.502 nghìn đồng

**2/. Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ: 110.991 nghìn đồng, đạt 93,3% so với dự toán, cụ thể:**

- Lệ phí trước bạ nhà đất 16.244 nghìn đồng đạt 162,4% so với dự toán ;

- Lệ phí môn bài: 12.900 nghìn đồng,

- Thuế tài nguyên: 2.050 nghìn đồng

- Thuế GTGT: 14.515 nghìn đồng: 24,4% so với dự toán

- Thuế thu nhập cá nhân 65.149 nghìn đồng , đạt 120,6% so với dự toán năm 2022;

**3/. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 3.222.493 nghìn đồng, đạt 53,2% so với dự toán năm 2022, cụ thể:**

- Thu bổ sung cân đối : 3.000.000 nghìn đồng, đạt 49,6% so với dự toán năm 2019;

- Thu bổ sung có mục tiêu: 222.493 nghìn đồng;

## **II/. Chi ngân sách:**

Tổng chi ngân sách 06 tháng đầu năm 2022: 2.769.705 nghìn đồng, đạt 44% so với dự toán năm 2022, trong đó:

**1/. Chi đầu tư phát triển: thực hiện 340.075 nghìn đồng, đạt 84% kế hoạch vốn;**

**2/. Chi thường xuyên: thực hiện 2.429.630 nghìn đồng, đạt 39% so với dự toán năm 2022, trong đó:**

- Chi dân quân tự vệ : Thực hiện 299.518 nghìn đồng, đạt 44% so với dự toán năm 2022;

- Chi an ninh trật tự: Thực hiện 133.172 nghìn đồng, đạt 28% so với dự toán năm 2022;

- Chi văn hóa, thông tin: 5.000 nghìn đồng, đạt 14% so với dự toán năm 2022;

- Chi các hoạt động kinh tế: 20.282 nghìn đồng, đạt 58% so với dự toán 2022;

- Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: Thực hiện 1.901.000 nghìn đồng, đạt 39% so với dự toán năm 2022;

- Chi cho công tác xã hội: Thực hiện 11.358 nghìn đồng, đạt 34% so với dự toán năm 2022.

- Chi dự phòng: 59.300 nghìn đồng, đạt 48% so với dự toán năm 2022;

### **III/. Đánh giá chung:**

Nhìn chung, trong 06 tháng đầu năm 2022, bộ phận kế toán đã chủ động tham mưu trong công tác tham mưu điều hành ngân sách phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, phục vụ hoạt động các ngành, các bộ phận, đáp ứng đầy đủ các khoản chi thường xuyên đảm bảo hoạt động cho đơn vị như chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp, các chế độ chính sách, chi phòng chống covid 19 ,các khoản chi thiết yếu khác theo dự toán được giao.

Trên đây là báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 06 tháng đầu năm 2022 (*Chi tiết theo biểu số 113,114,115/CKTC-NSNN kèm theo* )./.

#### **Nơi nhận:**

- Đảng ủy, HĐND ( b/c )

- Lưu: VP

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ  
CHỦ TỊCH**

**Phùng Thanh Hà**

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM, NĂM 2022**

ĐVT : Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 06 THÁNG ĐẦU NĂM, NĂM 2022	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
<b>I</b>	<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>6.247.000</b>	<b>3.698.488</b>	<b>59,20</b>
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	75.000	365.004	486,67
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	119.000	110.991	93,27
3	Thu bổ sung	6.053.000	3.222.493	53,24
	- Thu bổ sung cân đối	6.053.000	3.222.493	53,24
	- Thu bổ sung có mục tiêu			
4	Thu chuyển nguồn			
<b>II</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>6.247.000</b>	<b>2.769.705</b>	<b>44,34</b>
1	Chi đầu tư phát triển		340.075	
2	Chi thường xuyên	6.046.000	2.370.330	39,20
3	Dự phòng	123.000	59.300	48,21
4	Tiết kiệm chi	78.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 06 THÁNG ĐẦU NĂM, NĂM 2022**

ĐVT : Nghìn  
đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022		ƯỚC THỰC HIỆN 06 THÁNG ĐẦU NĂM, NĂM 2022		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG THU</b>	<b>6.208.000</b>	<b>6.247.000</b>	<b>3.620.728</b>	<b>3.698.488</b>	<b>58,3</b>	<b>59,2</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>75.000</b>	<b>75.000</b>	<b>365.004</b>	<b>365.004</b>	<b>486,7</b>	<b>486,7</b>
	Phí, lệ phí	45.000	45.000	23.511	23.511	52,2	52,2
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			3.502	3.502		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			337.391	337.391		
	Thu khác	30.000	30.000	600	600	2,00	2,0
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>80.000</b>	<b>119.000</b>	<b>33.231</b>	<b>110.991</b>	<b>41,5</b>	<b>93,3</b>
1	Các khoản thu phân chia	-	10.000	13.033	29.277		292,8
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			133	133		
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			12.900	12.900		
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		10.000		16.244		162,4
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	<b>80.000</b>	<b>109.000</b>	<b>20.198</b>	<b>81.714</b>	<b>25,2</b>	<b>75,0</b>
	Thuế Tài nguyên			2.050	2.050		
	Thuế GTGT	55.000	55.000	14.515	14.515	26,4	26,4
	Thuế thu nhập cá nhân	25.000	54.000	3.633	65.149	14,5	120,6
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>						
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>						
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách</b>					<b>53,2</b>	<b>53,2</b>

	<b>cấp trên</b>	<b>6.053.000</b>	<b>6.053.000</b>	<b>3.222.493</b>	<b>3.222.493</b>		
	- Thu bổ sung cân đối	6.053.000	6.053.000	3.000.000	3.000.000	49,6	49,6
	- Thu bổ sung có mục tiêu			222.493	222.493		

Tỉnh Thái Nguyên  
Huyện Phú Lương  
Xã Phú Đô

Biểu số 115/CK TC-NSNN

**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 06 THÁNG ĐẦU NĂM, NĂM 2022**

ĐVT : Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN 06 THÁNG ĐẦU NĂM, NĂM 2022					
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	<b>TỔNG CHI</b>									
	<b>Trong đó</b>	<b>6.247.000</b>		<b>6.247.000</b>	<b>2.769.705</b>	<b>340.075</b>	<b>2.429.630</b>	<b>44</b>		<b>39</b>
1	Chi dân quân tự vệ	677.481		677.481	299.518		299.518	44		44
2	Chi an ninh trật tự	483.424		483.424	133.172		133.172	28		28
3	Chi y tế	-			-					
4	Chi văn hóa, thông tin	35.000		35.000	5.000		5.000	14		14
5	Chi phát thanh, truyền thanh	-			-					
6	Chi thể dục thể thao	25.000		25.000	-					
7	Chi bảo vệ môi trường	-			-					
8	Chi các hoạt động kinh tế	35.000		35.000	20.282		20.282	58		58
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.834.575		4.834.575	1.901.000		1.901.000	39		39
10	Chi cho công tác xã hội	33.520		33.520	11.358		11.358	34		34
11	Chi khác	-			-					
12	Dự phòng ngân sách	123.000		123.000	59.300		59.300	48		48
13	Chi chuyển nguồn				-					

